TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2018

(Căn cứ Phụ lục số 28 kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

- Tên quỹ:	**Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt** Viết tắt: BVBF
- Loại hình quỹ:	Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư:	Tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định.
- Thời gian hoạt động:	Không giới hạn
- Benchmark:	Bình quân lãi suất tiền gửi 06 tháng của 04 ngân hàng VCB, BID. CTG, MBB *(chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ)*
- Chính sách phân chia lợi nhuận:	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư *(hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư)*.
- Số lượng đơn vị quỹ:	8.524.552,01 *(thời điểm 31/12/2018)*
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Chi tiết đính kèm

- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	**Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2018:** - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 - Thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 cho Nhà đầu tư - Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2018 - Bầu bổ sung thành viên và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ - Thông qua sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Quỹ - Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVBF năm 2018
- Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 của Thông tư số 183/2011/TT-BTC:	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm *(tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư)*:

❖ Theo tài sản:

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2018 (%)	31/12/2017 (%)	31/12/2016 (%)
Danh mục trái phiếu	44,06	86,98	77,27
Chứng chỉ tiền gửi	0,00	0,00	1,23
Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi thanh toán	46,28	6,41	17,20
Tài sản khác	9,66	6,61	4,30
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

❖ Theo ngành, lĩnh vực *(tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư)*:

	31/12/2018 (%)	31/12/2017 (%)	31/12/2016 (%)
Trái phiếu Chính phủ	39,48	71,53	60,43
Trái phiếu doanh nghiệp	4,58	15,45	16,84

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

	31/12/2018 (VNĐ)	31/12/2017 (VNĐ)	31/12/2016 (VNĐ)
GTTSR	117.041.060.801	93.656.901.905	92.664.125.028

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

	31/12/2018 (VNĐ)	31/12/2017 (VNĐ)	31/12/2016 (VNĐ)
GTTSR/CCQ	13.729	12.457	10.805

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	31/12/2018 (VNĐ)	31/12/2017 (VNĐ)	31/12/2016 (VNĐ)
Số CCQ	8.524.552,01	7.518.221,49	8.575.633,35

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp nhất trong năm:

	Năm 2018 (VNĐ)	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
GTTSR/CCQ cao nhất	13.779	12.457	10.848
GTTSR/CCQ thấp nhất	12.460	10.807	10.000

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	Năm 2018 (VNĐ)	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2016 (VNĐ)
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán *(giá trị lãi vốn)*	2.473.260.264	7.705.983.971	2.283.589.822
Thu nhập từ lợi tức chứng khoán *(trái tức, tiền gửi...)*	10.111.676.446	8.869.711.043	6.411.529.617
Chênh lệch mua bán chứng khoán	28.652.917	508.157.260	- 47.229.900
Thu nhập khác	-	-	-

Tổng chi phí	3.031.260.654	2.629.632.178	2.118.089.378
Tổng lợi nhuận	9.582.328.973	14.454.220.096	6.529.800.161

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ *(giá trị thuần và giá trị gộp)* trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2018	1,01%
Tỷ lệ chi phí cuối quý IV năm 2018	1,17%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2018	0,00%
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2018	107,66%

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng *(1 năm)*, tính tới ngày lập báo cáo *(hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm)*: 9.582.328.973 VNĐ.
- Trong thời hạn 36 tháng *(3 năm)*, tính tới ngày lập báo cáo *(hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm)*: 13.815.410.419 VNĐ
- Trong thời hạn 60 tháng *(5 năm)*, tính tới ngày lập báo cáo *(hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm)*: không có.

c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV – Chi nhánh Hà thành.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường

d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ *(nếu có)*: không có.

b. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong năm 2018, quỹ ghi nhận mức tăng trưởng 10,21%, cao hơn benchmark - bình quân lãi suất tiền gửi 06 tháng tham khảo của 04 ngân hàng VCB, BID. CTG, MBB ở mức 5,35%

c. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo *(bằng đồ thị)*:

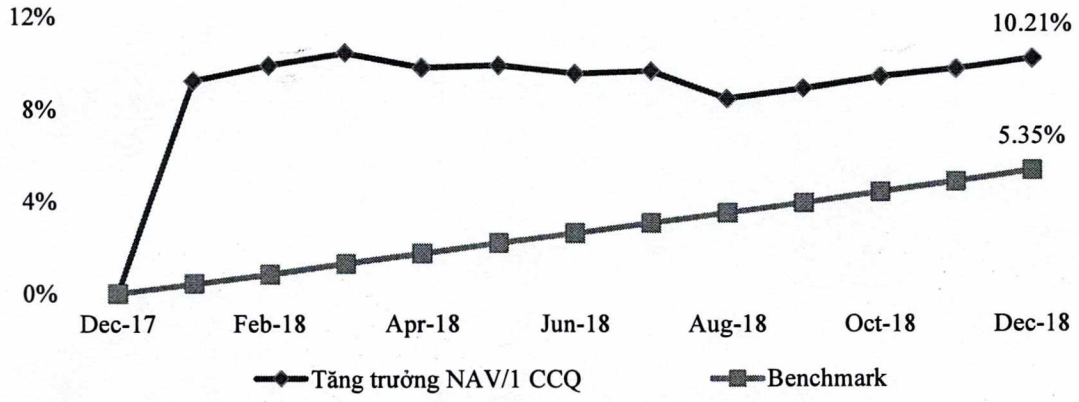

d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong thời gian năm *(05)* năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo *(bằng đồ thị)*:

Tăng trưởng NAV/1 CCQ so với benchmark năm 2016

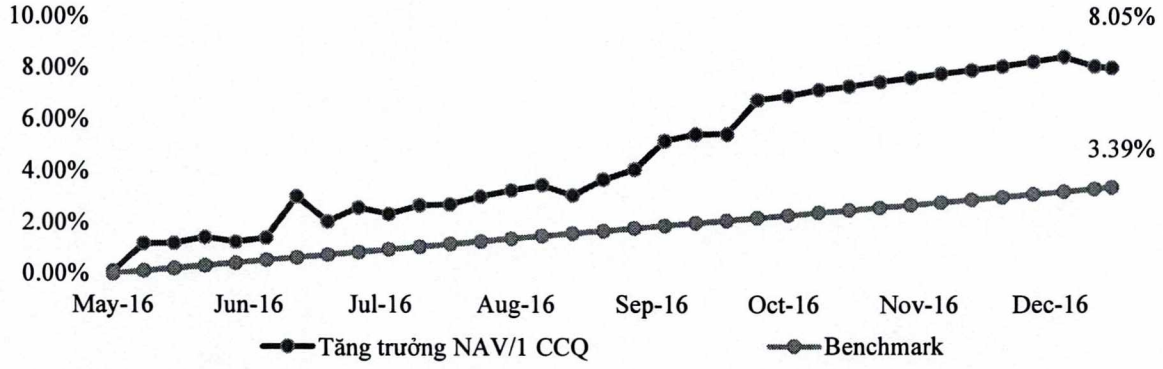

Tăng trưởng NAV/CCQ so với benchmark năm 2017

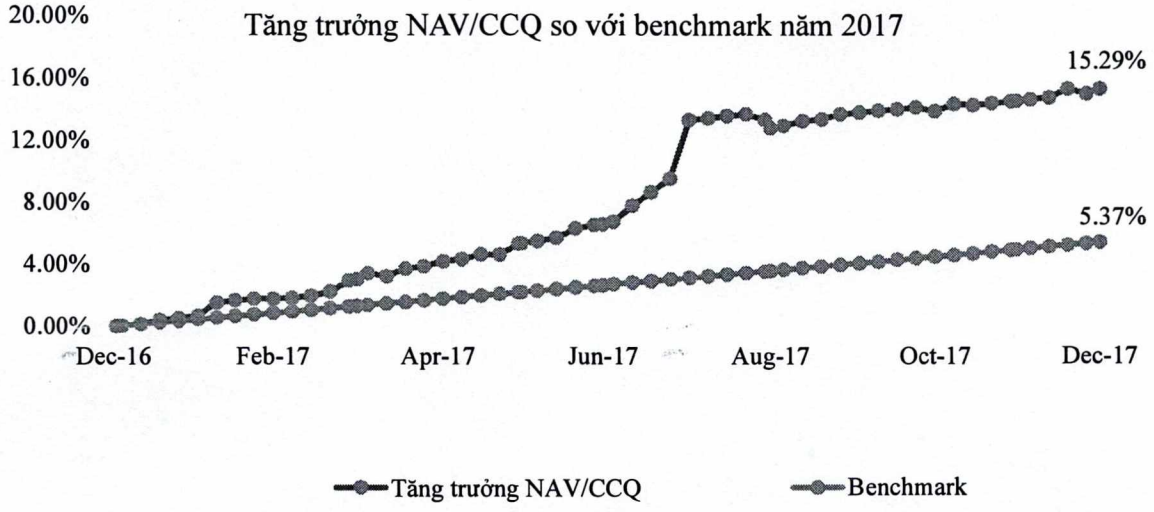

Tăng trưởng NAV/CCQ so với benchmark năm 2018

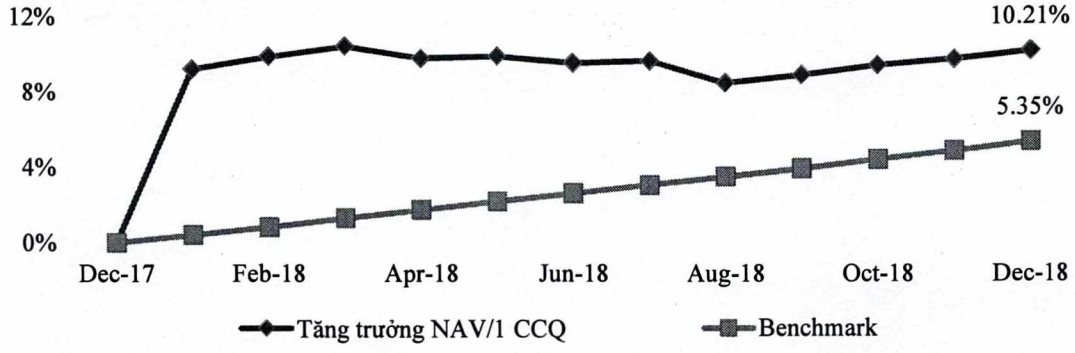

e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, tập trung khai thác các yếu tố mang tính nền tảng, dài hạn của nền kinh tế, thị trường lãi suất cố định cũng như doanh nghiệp. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được cấu trúc theo hướng đa dạng hóa, kết hợp giữa các tài sản có mức độ rủi ro từ thấp đến cao theo tỷ lệ phù hợp

để đạt được mục tiêu đầu tư. Bên cạnh đó, trong quá trình đầu tư, ngoài việc bám sát mục tiêu dài hạn, Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ linh hoạt tận dụng các cơ hội thị trường để gia tăng giá trị cho Quỹ.

f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:

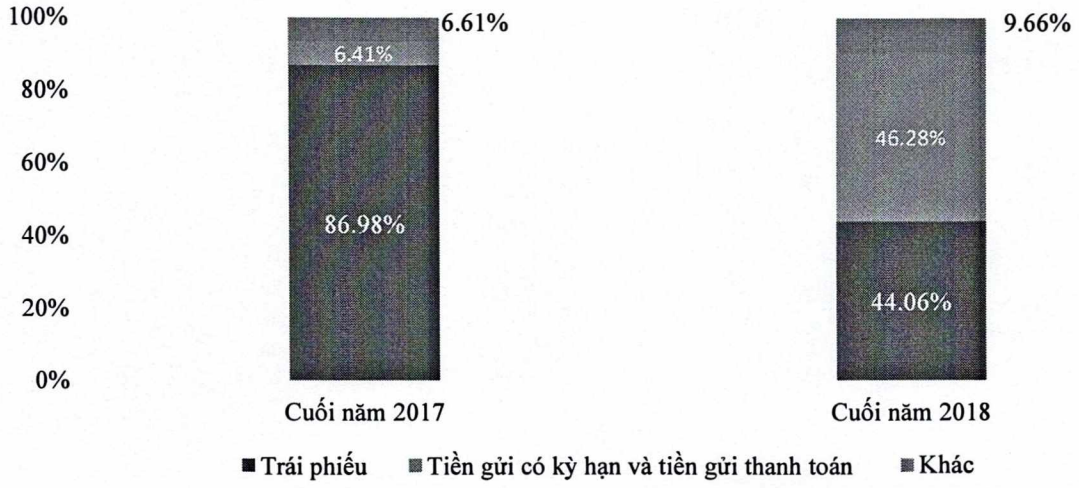

g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ *(sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có)*:

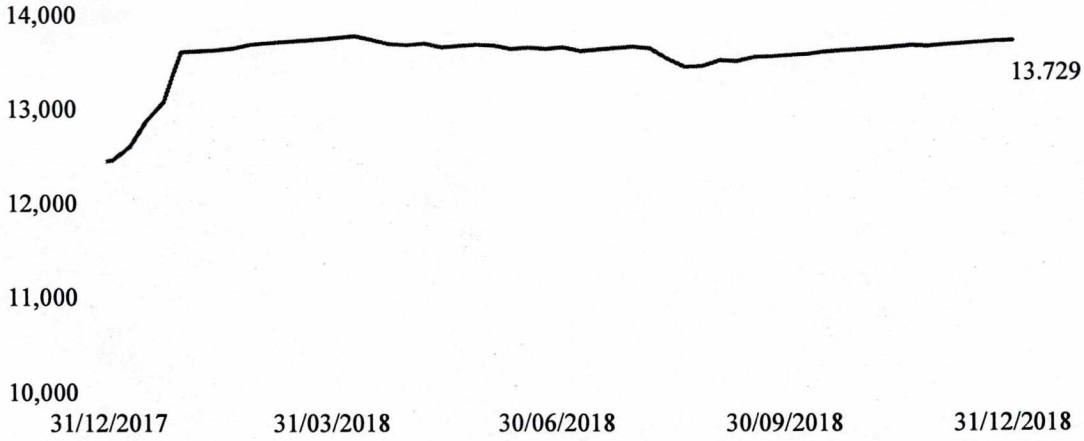

h. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô

- GDP năm 2018 tăng trưởng đạt 7,08% - cao nhất kể từ năm 2008 đến nay;
- CPI bình quân kiểm soát tăng 3,54% so với 2017*(kế hoạch năm 2018: CPI <4%)*;

Thị trường tiền tệ

- Cả năm 2018, tỷ giá trung tâm tăng 1,7 - 1,8%, tỷ giá tại các ngân hàng thương mại tăng 2,16%

- Thanh khoản hệ thống ngân hàng đảm bảo;
- Lãi suất huy động tăng nhẹ trong khoảng 0,1 - 0,5%;
- Lãi suất cho vay ít biến động;

Thị trường trái phiếu

- Trên thị trường sơ cấp, kho bạc nhà nước đã phát hành được 118.416 tỷ đồng *(59,8% kế hoạch năm)*, chủ yếu là kỳ hạn 10 - 15 năm. Kỳ hạn bình quân trái phiếu chính phủ nâng lên mức 12,4 năm, cao hơn 0,5 năm so với mức bình quân năm 2017;
- Lãi suất trúng thầu giảm mạnh trong quý I và tăng lại vào các quý cuối năm tiệm cận gần mức lãi suất cuối năm 2017. Biên độ tăng thể hiện rõ nét tại kỳ hạn ngắn;
- Thị trường thứ cấp sôi động, lợi suất trái phiếu đã hồi phục nhẹ sau biến động giảm đầu năm. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục sôi động ở nhóm chứng khoán và bất động sản;

Thị trường cổ phiếu

- VN Index đóng cửa phiên cuối tháng 12 tại mức 892.54 điểm, khép lại một năm đầy biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Chỉ số giảm 9,31% trong cả năm. Quy mô vốn hoá thị trường cổ phiếu đã đạt hơn 3,9 triệu tỷ đồng, tăng 12,7% so với năm 2017, tương đương với 71,6% GDP năm 2018. Khối ngoại mua ròng hơn 44 ngàn tỷ đồng trên sàn HoSE;

i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ *(nếu có)*: không có.

j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có.

k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan *(nếu có)*: không có.

l. Các thông tin khác *(nếu có)*: không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát *(nếu có)*: không có.

b. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch:

Trong năm 2018, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt về cơ bản đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở. Tuy nhiên, tại các kỳ định giá trị tài sản ròng từ ngày 31/08/2018 đến ngày 25/09/2018, tỷ lệ tổng giá trị các khoản đầu tư vào trái phiếu

của Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần trên tổng tài sản vượt quá hạn mức tối đa 20% quy định tại điểm c khoản 4 điều 15 Thông tư 183/2011/TT-BTC và điểm b khoản 1 điều 10 của Điều lệ Quỹ. Ngày 27/09/2018, Công ty Quản lý Quỹ đã bán 30.000 trái phiếu VIC11504 để điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư đáp ứng tỷ lệ hạn mức đầu tư nêu trên.

c. Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.

d. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.

- Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2017	7.518.221,49 CCQ
Tổng số chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ	3.091.672,73 CCQ
Tổng số chứng Quỹ mua lại trong kỳ	(2.085.342,21) CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2018	8.524.552,01 CCQ

e. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: Không có

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	142.668.000
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	1,49%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	1,13%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	4,71%

b. Các ảnh hưởng *(nếu có)* của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.

c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền *(trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ)*: Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ.

Chỉ tiêu (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	142.668.000
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	132.000.000
Chi phí trả cho Đại lý phân phối	10.668.000

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa… của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ được ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI). Theo đánh giá của BVF, VSD, BVSC và JSI đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm 2018 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF).

Trân trọng./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Nguyễn Đình An

PHỤ LỤC: ĐIỀU LỆ QUỸ BVBF SỬA ĐỔI

TT	Nội dung hiện tại	Dự kiến sửa đổi	Lý do
1	**Ngày**		
	Là ngày làm việc dương lịch, trừ các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam	Bỏ	Theo Điều 25, Thông tư 15/2016/TT-BTC (Thông tư 15)
2	**Điều 6**		
	Công ty Quản lý Quỹ Điện thoại: (84-4) 3 928 9589 Fax: (84-4) 3 928 9590	Công ty Quản lý Quỹ Điện thoại: (84-24) 3 928 9589 Fax: (84-24) 3 928 9590	Cập nhật mã vùng điện thoại
3	**Điều 7**		
	Ngân hàng Giám sát Điện thoại: (84-4) 3 941 1840 Fax: (84-4) 3 941 1847	Ngân hàng Giám sát Điện thoại: (84-24) 3 941 1840 Fax: (84-24) 3 941 1847	Cập nhật mã vùng điện thoại
4	**Khoản 2, Điều 9**		
	e. Trái phiếu chuẩn bị niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam	e. Trái phiếu chuẩn bị niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành	Cập nhật các loại tài sản được phép đầu tư theo quy định tại Khoản 9, Điều 1, Thông tư 15
5	**Điều 12**		
	Không có	1. Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở Giao dịch Chứng khoán. 2. Đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm: a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về mức giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi	Theo quy định tại Điều 17, Thông tư 183/2011/TTBTC (Thông tư 183)

		thực hiện giao dịch; b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá, hoặc mức giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để ban đại diện quỹ xem xét, quyết định	
6	**Điều 13** 4. Không có	**Điều 14** 4. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán: Căn cứ vào đánh giá về điều kiện thị trường và nhận định về xu hướng vận động của tài sản cơ sở, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các chứng khoán phái sinh để đầu tư nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho danh mục	Bổ sung phương pháp lựa chọn đầu tư cho các tài sản được nêu tại Điều 9
7	**Điều 27** 2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; danh sách, hạn mức (nếu có) cho các ngân hàng nhận tiền gửi, các tổ chức phát hành công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; chính sách quản lý rủi ro; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ	**Điều 28** 2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách, hạn mức (nếu có) cho các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e, Khoản 2 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ	Theo quy định tại Khoản 5, Điều 28, Thông tư 183
8	**Điều 51** 4. Trong thời hạn tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày định giá, sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố cho Nhà đầu tư trên các	**Điều 52** Bỏ cụm từ "tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan"	Theo quy định tại Khoản 24, Điều 1, Thông tư 15

	trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán		
9	**Phụ lục 4 – Phương pháp định giá** Không có	Bổ sung phương pháp định giá đối với chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán: - Trường hợp có giá thị trường trong vòng 2 tuần gần nhất đến Ngày định giá, sử dụng giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 2 tuần gần nhất đến Ngày định giá, theo phương pháp được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều lệ Quỹ phê duyệt	Theo quy định tại Phụ lục 13, Thông tư 183